

Số: 796/QĐ-PGDĐT

Quảng Yên, ngày 15 tháng 6 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai số liệu phân bổ kinh phí
Hỗ trợ học phí học kỳ II, năm học 2022-2023 theo Nghị quyết số
01/2022/NQ-HĐND ngày 31/8/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh

TRƯỞNG PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THỊ XÃ QUẢNG YÊN

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 795/QĐ-PGDĐT ngày 15/6/2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Quảng Yên về việc phân bổ kinh phí hỗ trợ học phí học kỳ II, năm học 2022-2023 theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 31/8/2022 của hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh;

Theo đề nghị của bộ phận Kế toán Phòng Giáo dục và Đào tạo về việc công khai số liệu phân bổ kinh phí hỗ trợ học phí học kỳ II, năm học 2022-2023 theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 31/8/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu phân bổ kinh phí hỗ trợ học phí học kỳ II, năm học 2022-2023 theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 31/8/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

(Chi tiết theo phụ biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các bộ phận công tác của Phòng Giáo dục và Đào tạo có liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Phòng TC-KH, KBNN;
- Như Điều 3 (T/h);
- Lưu: VT, KT (02).



TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Thị Thuý

Chương: 622

**DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐƯỢC GIAO
VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NGÀY 15/6/2023**

(Kèm theo Quyết định số 796/QĐ-PGDĐT ngày 15/6/2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã)

(Dùng cho đơn vị dự toán ngân sách cấp I/đơn vị dự toán ngân sách cấp trên)

(Đơn vị tính: đồng)

Stt	Tên đơn vị	Mã số quan hệ ngân sách	Chương	Mã ngành kinh tế	Mã nguồn kinh phí	Kinh phí phân bổ
1	2	3	4	5	6	7
	TỔNG CỘNG					17.593.500.000
I	Khối mầm non					7.993.200.000
1	Trường Mầm non Cộng Hòa	1105749	622	071	12	668.700.000
2	Trường Mầm non Hà An	1105742	622	071	12	709.800.000
3	Trường Mầm non Hoàng Tân	1105733	622	071	12	135.000.000
4	Trường Mầm non Minh Thành	1105730	622	071	12	741.300.000
5	Trường Mầm non Liên Vị	1105736	622	071	12	182.900.000
6	Trường Mầm non Phong Cốc	1105745	622	071	12	578.100.000
7	Trường Mầm non Phong Hải	1105739	622	071	12	533.400.000
8	Trường Mầm non Tiên An	1105738	622	071	12	184.700.000
9	Trường Mầm non Yên Giang	1105732	622	071	12	334.500.000
10	Trường Mầm non Đông Mai	1105740	622	071	12	655.800.000
11	Trường Mầm non Cẩm La	1105743	622	071	12	154.600.000
12	Trường Mầm non Hiệp Hòa	1105735	622	071	12	313.800.000
13	Trường Mầm non Liên Hòa	1105746	622	071	12	203.400.000
14	Trường Mầm non Nam Hòa	1105741	622	071	12	390.300.000
15	Trường Mầm non Sông Khoai	1105731	622	071	12	341.600.000
16	Trường Mầm non Tân An	1105737	622	071	12	474.000.000
17	Trường Mầm non Tiên Phong	1105748	622	071	12	64.700.000
18	Trường Mầm non Yên Hải	1105747	622	071	12	504.000.000
19	Trường Mầm non Hoa Hồng	1105734	622	071	12	822.600.000
II	Khối Trung học cơ sở					9.196.000.000
1	Trường THCS Đông Mai	1027586	622	073	12	757.200.000
2	Trường THCS Trần Hưng Đạo	1027582	622	073	12	768.300.000
3	Trường THCS Phong Cốc	1027585	622	073	12	612.900.000
4	Trường THCS Tiên An	1025843	622	073	12	190.500.000

Stt	Tên đơn vị	Mã số quan hệ ngân sách	Chương	Mã ngành kinh tế	Mã nguồn kinh phí	Kinh phí phân bổ
1	2	3	4	5	6	7
5	Trường THCS Cộng Hòa	1025849	622	073	12	892.500.000
6	Trường THCS Phong Hải	1025838	622	073	12	610.500.000
7	Trường THCS Hà An	1027590	622	073	12	730.200.000
8	Trường THCS Nam Hòa	1027587	622	073	12	451.500.000
9	Trường THCS Lê Quý Đôn	1027583	622	073	12	1.019.400.000
10	Trường THCS Hiệp Hòa	1027584	622	073	12	315.300.000
11	Trường THCS Sông Khoai	1025841	622	073	12	203.500.000
12	Trường THCS Minh Thành	1027588	622	073	12	1.149.600.000
13	Trường THCS Liên Hòa	1027589	622	073	12	228.000.000
14	Trường THCS Liên Vị	1025839	622	073	12	301.500.000
15	Trường THCS Tân An	1027591	622	073	12	443.100.000
16	Trường THCS Yên Hải	1025842	622	073	12	522.000.000
III	Khối Tiểu học và Trung học cơ sở					404.300.000
1	Trường TH&THCS Tiền Phong					
	<i>Trường THCS Tiền Phong</i>	<i>1027578</i>	<i>622</i>	<i>073</i>	<i>12</i>	<i>65.500.000</i>
2	Trường TH&THCS Cẩm La					
	<i>Trường THCS Cẩm La</i>	<i>1130336</i>	<i>622</i>	<i>073</i>	<i>12</i>	<i>134.000.000</i>
3	Trường TH&THCS Sông Khoai					
	<i>Trường THCS Sông Khoai</i>	<i>1130337</i>	<i>622</i>	<i>073</i>	<i>12</i>	<i>101.700.000</i>
4	Trường TH&THCS Hoàng Tân					
	<i>Trường THCS Hoàng Tân</i>	<i>1131212</i>	<i>622</i>	<i>073</i>	<i>12</i>	<i>103.100.000</i>

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phân bổ kinh phí hỗ trợ học phí học kỳ II, năm học 2022-2023
theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 31/8/2022
của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh

TRƯỞNG PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THỊ XÃ QUẢNG YÊN

Căn cứ Quyết định số 04/2020/QĐ-UBND ngày 26/11/2020 của Ủy ban nhân dân thị xã Quảng Yên về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ Quyết định số 8368/QĐ-UBND ngày 20/12/2022 của Ủy ban nhân dân thị xã Quảng Yên về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2023; phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công ngân sách thị xã năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 10623/QĐ-UBND ngày 09/6/2023 của Ủy ban nhân dân thị xã Quảng Yên về việc cấp kinh phí hỗ trợ học phí học kỳ II, năm học 2022-2023 theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 31/8/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh;

Theo đề nghị của Hiệu trưởng các trường Mầm non, Trung học cơ sở, Tiểu học và Trung học cơ sở về việc cấp kinh phí hỗ trợ học phí học kỳ II, năm học 2022-2023 theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 31/8/2022 của hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân bổ kinh phí hỗ trợ học phí học kỳ II, năm học 2022-2023 theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 31/8/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh cho các trường mầm non, Trung học cơ sở, Tiểu học và Trung học cơ sở, tổng kinh phí: 17.593.500.000 đồng (Mười bảy tỷ, năm trăm chín mươi ba triệu, năm trăm nghìn đồng chẵn).

(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm)

Điều 2. Căn cứ kinh phí dự toán chi ngân sách năm 2023 được phân bổ, các trường tổ chức thực hiện sử dụng kinh phí đúng mục đích đảm bảo hiệu quả và thực hiện thanh toán, quyết toán kinh phí theo quy định hiện hành.

Điều 3. Hiệu trưởng các trường Mầm non, Trung học cơ sở, Tiểu học và Trung học cơ sở chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (T/h);
- Phòng TC-KH, KBNN;
- Lưu: VT, KT (02)/.

TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Thị Thúy

Phụ lục



PHÂN BỐ KINH PHÍ HỖ TRỢ HỌC PHÍ HỌC KỲ II, NĂM HỌC 2022-2023
THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 01/2022/NQ-HĐND NGÀY 31/8/2022
CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

(Kèm theo Quyết định số 795/QĐ-PGDĐT ngày 15/6/2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã)

(Đơn vị tính: đồng)

Stt	Tên đơn vị	Mã số quan hệ ngân sách	Chương	Mã ngành kinh tế	Mã nguồn kinh phí	Kinh phí phân bổ
1	2	3	4	5	6	7
	TỔNG CỘNG					17.593.500.000
I	Khối mầm non					7.993.200.000
1	Trường Mầm non Cộng Hòa	1105749	622	071	12	668.700.000
2	Trường Mầm non Hà An	1105742	622	071	12	709.800.000
3	Trường Mầm non Hoàng Tân	1105733	622	071	12	135.000.000
4	Trường Mầm non Minh Thành	1105730	622	071	12	741.300.000
5	Trường Mầm non Liên Vị	1105736	622	071	12	182.900.000
6	Trường Mầm non Phong Cốc	1105745	622	071	12	578.100.000
7	Trường Mầm non Phong Hải	1105739	622	071	12	533.400.000
8	Trường Mầm non Tiên An	1105738	622	071	12	184.700.000
9	Trường Mầm non Yên Giang	1105732	622	071	12	334.500.000
10	Trường Mầm non Đông Mai	1105740	622	071	12	655.800.000
11	Trường Mầm non Cẩm La	1105743	622	071	12	154.600.000
12	Trường Mầm non Hiệp Hòa	1105735	622	071	12	313.800.000
13	Trường Mầm non Liên Hòa	1105746	622	071	12	203.400.000
14	Trường Mầm non Nam Hòa	1105741	622	071	12	390.300.000
15	Trường Mầm non Sông Khoai	1105731	622	071	12	341.600.000
16	Trường Mầm non Tân An	1105737	622	071	12	474.000.000
17	Trường Mầm non Tiên Phong	1105748	622	071	12	64.700.000
18	Trường Mầm non Yên Hải	1105747	622	071	12	504.000.000
19	Trường Mầm non Hoa Hồng	1105734	622	071	12	822.600.000
II	Khối Trung học cơ sở					9.196.000.000
1	Trường THCS Đông Mai	1027586	622	073	12	757.200.000
2	Trường THCS Trần Hưng Đạo	1027582	622	073	12	768.300.000
3	Trường THCS Phong Cốc	1027585	622	073	12	612.900.000
4	Trường THCS Tiên An	1025843	622	073	12	190.500.000
5	Trường THCS Cộng Hòa	1025849	622	073	12	892.500.000

Stt	Tên đơn vị	Mã số quan hệ ngân sách	Chương	Mã ngành kinh tế	Mã nguồn kinh phí	Kinh phí phân bổ
6	Trường THCS Phong Hải	1025838	622	073	12	610.500.000
7	Trường THCS Hà An	1027590	622	073	12	730.200.000
8	Trường THCS Nam Hòa	1027587	622	073	12	451.500.000
9	Trường THCS Lê Quý Đôn	1027583	622	073	12	1.019.400.000
10	Trường THCS Hiệp Hòa	1027584	622	073	12	315.300.000
11	Trường THCS Sông Khoai	1025841	622	073	12	203.500.000
12	Trường THCS Minh Thành	1027588	622	073	12	1.149.600.000
13	Trường THCS Liên Hòa	1027589	622	073	12	228.000.000
14	Trường THCS Liên Vị	1025839	622	073	12	301.500.000
15	Trường THCS Tân An	1027591	622	073	12	443.100.000
16	Trường THCS Yên Hải	1025842	622	073	12	522.000.000
III	Khối Tiểu học và Trung học cơ sở					404.300.000
1	Trường TH&THCS Tiền Phong					
	<i>Trường THCS Tiền Phong</i>	<i>1027578</i>	<i>622</i>	<i>073</i>	<i>12</i>	<i>65.500.000</i>
2	Trường TH&THCS Cẩm La					
	<i>Trường THCS Cẩm La</i>	<i>1130336</i>	<i>622</i>	<i>073</i>	<i>12</i>	<i>134.000.000</i>
3	Trường TH&THCS Sông Khoai					
	<i>Trường THCS Sông Khoai</i>	<i>1130337</i>	<i>622</i>	<i>073</i>	<i>12</i>	<i>101.700.000</i>
4	Trường TH&THCS Hoàng Tân					
	<i>Trường THCS Hoàng Tân</i>	<i>1131212</i>	<i>622</i>	<i>073</i>	<i>12</i>	<i>103.100.000</i>